

Bản án số: 02/2022/HC-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đào Xuân Hải.

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

* **Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2022/TLST-HC ngày 03 tháng 3 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HC ngày 05/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2022/QĐST-HC ngày 20/9/2022 (Án định thời gian mở lại phiên tòa), giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông Giáp Văn S, sinh năm 1960 (Có mặt)

Cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch UBND xã V, huyện T, tỉnh B:

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B- Chủ tịch UBND xã V (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B - Do ông Nguyễn Thế H, Phó chủ tịch UBND huyện T, đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh B - Do ông Nguyễn Văn C, Phó chủ tịch UBND xã V, đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

- Công ty cổ phần Tân Á H- Do ông Ngô Đăng H- Giám đốc, đại diện (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 3, số 2 đường Nguyễn Thị L, phường T, thành phố B.

- Ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1959

(Vắng mặt)

- Bà Chu Thị Đ, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
- Anh Giáp Sơn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
- Chị Giáp Thị Huyền T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
- Ông Đồng Văn Đ, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
- Bà Giáp Thị H, sinh năm 1959 (Vắng mặt)
- Anh Đồng Phan A, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
- Chị Đồng Hải Y, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1940 (Vắng mặt)
- Chị Giáp Thị L, sinh năm 1966 (Vắng mặt)
- Ông Ngô Văn L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
- Bà Đồng Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
- Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
- Chị Ngô Thị H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
- Ông Giáp Văn L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
- Anh Giáp Văn L, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
- Chị Giáp Thị L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
- Anh Giáp Văn N, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
- Bà Đồng Thị T, sinh năm 1949 (Vắng mặt)
- Anh Vương Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961 (Vắng mặt)
- Anh Giáp Văn L, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
- Chị Giáp Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

- Anh Giáp Văn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn V, xã T, huyện P, thành phố H.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q, anh Giáp Văn L:**

- Ông Giáp Văn S, sinh năm 1960 (Có mặt)

Cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Đồng Thị T:**

- Anh Vương Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị Đ, bà Nguyễn Thị B, chị Giáp**

Thị L:

- Ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Giáp Thị L, anh Giáp Văn N:**

- Ông Giáp Văn L, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/2/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Giáp Văn S trình bày:*

Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V về việc giải quyết các thửa đất còn

vướng mắc quy chủ dự án đường 398B. Nội dung: kết luận thửa 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² chia cho 07 hộ gồm: Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L là xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình ông.

Cụ thể: Phần đất của gia đình ông nằm trong thửa số 185, có diện tích 191,6m² (958m²: 5 hộ=191,6 m² = 0 sào 8 thước/hộ) ở khu B, xứ Đ, thôn K được giao từ năm 1986 là đất đảm mại gieo theo diện tích đất canh tác, mà đất canh tác được cấp giấy chứng nhận năm 1999, đất đảm mại giao theo định mức bình quân: 2 lao động = 0 sào 8 thước và ổn định từ năm 1986 đến nay. Theo quy định thì gia đình ông được nhận khoản tiền đền bù đất và hỗ trợ là: 49.586.080 đồng (191,6m² x 258.800 đồng/m² = 49.586.080 đồng).

Đến ngày 02/01/2022 ông nhận được Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V kết luận thửa 185/958m² chia cho 07 hộ gồm: Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L (mỗi hộ được 136,8m² = 0 sào 5 thước/hộ) thì gia đình ông sẽ bị mất số tiền là 14.182.240 đồng (136,8 m²/hộ x 258.800/m² = 35.403.840 đồng/hộ; 49.586.080 đồng/hộ - 35.403.840 đồng/hộ = 14.182.240 đồng/hộ bị thiệt)

Nguyên nhân: Vì cho thêm 02 hộ Lập và Tín vào thửa 185 kê trên. Mặt khác, thửa số 185 đã được Ban giải phóng mặt bằng xã V xem xét và kết luận quy chủ cho 05 hộ (Sơn, Đạt, Đức, Ba, Lợi) theo biên bản đã ký ngày 02/10/2021 tại nhà văn hóa thôn K.

Ông xác định định mức đảm mại 08 thước xấp xỉ 191,6m² cấp năm 1986, định mức cấp đất ruộng cho vợ chồng ông là Giáp Văn S và Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961 mỗi người gần 04 thước xấp xỉ 95,8m² (nằm trong 958m² cấp cho 05 chủ hộ gồm: Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B (nay UBND xã V thêm hộ Đồng Thị T, Giáp Văn L) thuộc thửa số 185, tờ bản đồ 144, địa chỉ ở khu B, xứ Đ, thôn K, xã V. Vợ chồng ông quản lý, sử dụng để gieo mại hàng năm, vợ chồng ông không đóng thuế cho nhà nước. Diện tích 191,6m² trên không liên quan đến các con ông, đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Ông có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nếu không cung cấp được ông xin chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tòa án công bố Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T về việc hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V thì ông có ý kiến: Ông không nhất trí với Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V vì ông đã bảo lưu để khởi kiện hành chính. Nếu nay đã hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V thì không còn xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của vợ chồng ông nữa.

Nhưng ông (Giáp Văn S) vẫn yêu cầu hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND huyện T. Vì: Ông chỉ nhất trí chia tiền đền bù cho 05 hộ gồm: Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B. Ông

nhất trí đền bù cho vợ chồng ông diện tích $191,6\text{m}^2/\text{hộ trên} \times 258.800 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 49.586.000 \text{ đồng}/\text{hộ}$. Nay lại xác định đền bù 958m^2 thêm hộ Đồng Thị T, Giáp Văn L nên số tiền đền bù $136,8\text{m}^2 \times 258.800 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 35.403.840 \text{ đồng}$ cho vợ chồng ông bị giảm 14.182.240 đồng. Ông cam đoan không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022, người bị kiện là chủ tịch UBND xã V do ông Nguyễn Ngọc B đại diện trình bày:*

Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m^2 thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ thông tin do tổ công tác rà soát, quy chủ thu hồi đất của dự án tuyến đường QL37-QL17 và đường tỉnh 292 thôn K và nguyên các đ/c Trưởng thôn K qua các thời kỳ hiện còn sống và nhiều người dân cao tuổi tại thôn thì xác định nguồn gốc các thửa ruộng tại khu B, đồng C thôn K là diện tích chân đất đám mạ chiêm, gieo cấy cho diện tích dưới đồng và được chia cho các lao động trong độ tuổi của các hộ trong thôn từ năm 1986.

Theo tài liệu hồ sơ thửa đất số 185, diện tích $958,0 \text{ m}^2$, tờ bản đồ đo năm 2017 có nguồn gốc là thửa đất số: 1226, diện tích 552m^2 , tờ bản đồ số 7, can vẽ năm 1999 (có sơ đồ kèm theo).

Nhìn vào số liệu trên thì thửa đất số 185 có nhiều lần biến động về mặt diện tích là do các hộ sử dụng không liên tục, có những hộ sau khi được chia không sử dụng lần nào do xa nguồn nước ngòi và qua các thế hệ trưởng thôn giai đoạn từ năm 1986-1993 đã có sự điều chuyển việc sử dụng từ hộ này sang hộ khác và mặt khác do các hộ không sử dụng đến tháng 10/2000 thôn K đã giao khoán cho Hội Phụ nữ thôn gây quỹ (có hợp đồng kèm theo) nhưng thôn K và Hội Phụ nữ thôn K không trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác. Thực tế thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m^2 thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B này vẫn là của các hộ gồm: Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Ông xác định chính quyền thôn K và Hội phụ nữ thôn K không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này nên đề nghị không đưa tham gia tố tụng.

Do đó mà hình thửa các thửa ruộng có sự thay đổi do các hộ nhận khoán phá liên để tiện sản xuất, nên gặp khó khăn trong công tác xác định và quy chủ.

2. Diễn biến quá trình thu hồi đền bù, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m^2 thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Thực hiện các bước theo quy trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tuyến đường QL37- QL17- ĐT 292 đoạn qua địa bàn xã V, huyện T do Công ty cổ phần Tân Á H, đơn vị thực hiện việc giải phóng mặt bằng cho dự án theo hướng vận động người dân và là sự thỏa thuận dân sự giữa các hộ liên quan thửa đất 185 trên được Công ty cổ phần Tân Á H ứng tiền chứ không phải thủ tục hành chính thu hồi, kiểm kê bồi thường cho các hộ liên quan thửa đất 185 trên. Công ty cổ phần Tân Á H không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án hành chính này nên đề nghị không đưa tham gia tố tụng (Đến nay UBND huyện chưa ban hành quyết định thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m^2

thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B này). UBND xã đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn cùng các thôn trong dự án phối hợp với Công ty để thực hiện việc rà soát, quy chủ. Đối với thôn K đa số diện tích đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới thu hồi xác định đều là đất đám mạ được thôn chia cho các hộ sử dụng từ năm 1986 và không còn được lưu giữ trong sổ sách tại thôn và không được cấp giấy CNQSDĐ. Để đảm bảo việc quy chủ được chính xác, minh bạch, Chủ tịch UBND xã V đã chỉ đạo thôn K thành lập tổ rà soát thành phần gồm: Đ/c Bí thư, trưởng, phó thôn, trưởng Ban MTTT, trưởng các ngành đoàn thể ở thôn và các đ/c Nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ cùng tham gia. Sau khi công khai bản đồ và danh sách quy chủ các thửa đất tại Nhà văn hóa thôn, tiếp nhận ý kiến của người dân, lập danh sách chốt và tổ chức nhiều lần làm việc tại Nhà văn hóa thôn theo từng thửa đất và có 2 lần xuống thực địa và căn cứ vào bản đồ can vế năm 1999 và bản đồ đo năm 2017, tổ rà soát quy chủ của thôn xác định thửa đất số 185 có 7 hộ gồm: Ông S, Li, ông Đ, ông Đ, bà Ba, ông L và bà T và thống nhất đề xuất phương án chia đều diện tích cho các hộ theo lao động. Để làm rõ vướng mắc của ông Giáp Văn S và một số thửa đất chưa thống nhất được việc quy chủ, ngày 14/12/2021 Chủ tịch UBND xã V tổ chức buổi làm việc thành phần gồm: Các đ/c nguyên Trưởng thôn K qua các thời kỳ và tổ rà soát của thôn K. Căn cứ vào kết quả làm việc ngày 16/12/2021 chủ tịch UBND xã đã ban hành Thông báo kết luận số 47/TB-UBND, thông báo kết luận buổi làm việc để làm căn cứ giải quyết và trả lời các hộ dân thôn K có đất được thu hồi còn đang vướng mắc (có thông báo kết luận kèm theo).

Đến nay ông (B) có ý kiến giữ nguyên Văn bản số 50/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 của Chủ tịch UBND xã V về việc hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022m của chủ tịch UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ nên đối tượng khởi kiện không còn và Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ là văn bản mang tính chất nội bộ của ông nhằm chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quy chủ thu hồi đất của dự án tuyến đường QL37-QL17 và đường tỉnh 292 thôn K chứ không phải là quyết định hành chính nhằm chấm dứt, thay đổi, phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ của từng hộ dân Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Thông báo số 47.TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V ghi nơi nhận là: Bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận thôn làng K, thường trực Đảng ủy, thường trực UBND xã là mang tính nội bộ của chủ tịch UBND xã V. Các văn bản này Văn bản số 50/UBND – TPHT ngày 08/3/2022, Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022, Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 ông ký với tư cách là chủ tịch UBND xã V chỉ đạo nội bộ chứ không phải quyết định hành chính thay mặt UBND xã V ban hành nhằm chấm dứt, thay đổi, phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ của từng hộ dân Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Việc ông ký Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 với chức

danh chủ tịch để chỉ đạo, điều hành công việc nội bộ là đúng quy định.

Ông xác định thành viên các hộ liên quan thửa đất 185 trên được thôn K chia cho các hộ sử dụng từ năm 1986 được xác định thành viên hộ là: Ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1959, bà Chu Thị Đ, sinh năm 1963, anh Giáp Sơn T, sinh năm 1985, chị Giáp Thị Huyền T, sinh năm 1988, ông Đồng Văn Đ, sinh năm 1958, bà Giáp Thị H, sinh năm 1959, anh Đồng Phan A, sinh năm 1982, chị Đồng Hải Y, sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1940, chị Giáp Thị L, sinh năm 1966, ông Ngô Văn L, sinh năm 1957, bà Đồng Thị L, sinh năm 1958, anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1981, chị Ngô Thị H, sinh năm 1996, ông Giáp Văn L, sinh năm 1957, bà Trần Thị L, sinh năm 1958, anh Giáp Văn L, sinh năm 1982, chị Giáp Thị L, sinh năm 1985, anh Giáp Văn N, sinh năm 1988, bà Đồng Thị T, sinh năm 1949, anh Vương Văn T, sinh năm 1974, bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961, anh Giáp Văn L, sinh năm 1985, anh Giáp Văn L, sinh năm 1988, chị Giáp Thị T, sinh năm 1983, Điều cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B. Ngoài ra không còn ai là thành viên hộ liên quan thửa 185 trên nữa.

** Tại các Bản tự khai ngày 03/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Q, anh Giáp Văn L do ông Giáp Văn S, đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Q, anh Giáp Văn L thống nhất với trình bày của ông Giáp Văn S.

** Tại Bản tự khai ngày 03/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giáp Văn L trình bày:*

Anh Giáp Văn L thống nhất với trình bày của ông Giáp Văn S.

** Tại Bản tự khai ngày 11/3/2022 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Giáp Văn Đ trình bày:*

Ông là chủ hộ gia đình và đại diện tham gia tố tụng hành chính vụ án này.

Ông xác định thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² khu B, xứ Đ, thôn K, xã V, huyện T năm 1986 là đất đám mạ gieo theo diện tích đất canh tác, mà đất canh tác được cấp giấy chứng nhận năm 1999, đất đám mạ giao theo định mức bình quân: 2 lao động = 0 sào 8 thước (mỗi người 04 thước) và ổn định từ năm 1986 đến nay.

Ông xác định định mức đám mạ 08 thước xấp xỉ 191,6m² cấp năm 1986, định mức cấp đất ruộng cho vợ chồng ông là Giáp Văn Đ và Chu Thị Đ, sinh năm 1963 mỗi người được gần 04 thước xấp xỉ 95,8m² (nằm trong 958m² cấp cho 05 chủ hộ gồm: Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B (nay UBND xã V thêm hộ Đồng Thị T, Giáp Văn L) thuộc thửa số 185, tờ bản đồ 144, địa chỉ ở khu B, xứ Đ, thôn K, xã V. Diện tích 191,6m² có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ruộng nhà anh Lợi, phía Tây giáp ruộng nhà anh Đức; phía Nam giáp ruộng nhà anh Sơn; phía Bắc giáp ruộng nhà anh Đạt, vợ chồng ông quản lý, sử dụng từ năm 1986 để gieo mạ hàng năm, ruộng đám mạ này vợ chồng ông không phải đóng thuế cho nhà nước. Diện tích 191,6m² trên không liên quan đến các con ông, đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Ông có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nếu không cung cấp được ông xin chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Thông báo bị kiện số 47 ngày 16/12/2021 của UBND xã V về việc giải quyết các thửa đất còn vướng mắc quy chủ dự án đường 398B. Nội dung: UBND xã V kết luận: Thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² đang vướng gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Ba, Lập, Tín như câu 4 của Thông báo số 47 là xâm phạm đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông.

Tòa án công bố Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T về việc hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V thì ông có ý kiến: Ông nhất trí với Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V. Nay đã hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V thì không xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của vợ chồng ông.

- Áp dụng theo Quyết định số 1047, 1048 ngày 27/10/2021 cùng với Quyết định số 106 ngày 18/01/2022 của UBND huyện T thì vợ chồng ông chưa được nhận tiền đền bù.

- Đến ngày 02/01/2022 nhận được thông báo số 47 ghi ngày 16/12/2021 của UBND xã V kết luận thửa 185 có 958m² chia cho 07 hộ (mỗi hộ được 136,8m² = 5,7 thước) = 29.940.000 đồng thì ông không đồng ý và không nhận tiền đền bù.

Ban giải phóng mặt bằng xã V xem xét và kết luận quy chủ cho 07 hộ Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L là không đúng.

Ông nhất trí với yêu cầu hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của ông Giáp Văn S. Vì: Ông không nhất trí chia tiền đền bù cho 07 hộ trên mà ông chỉ nhất trí chia tiền đền bù cho 05 hộ Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại các Bản tự khai ngày 11/3/2022, ngày 11/5/2022, Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Đ, bà Nguyễn Thị B, chị Giáp Thị L do ông Giáp Văn Đ, đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Bà Chu Thị Đ, bà Nguyễn Thị B, chị Giáp Thị L thống nhất với trình bày của ông Giáp Văn Đ.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Giáp Văn L trình bày:*

Ông là chủ hộ gia đình và đại diện tham gia tố tụng hành chính vụ án này.

Ông xác định thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² khu B, xứ Đ, thôn K, xã V, huyện T năm 1986 là đất đám mạ gieo theo diện tích đất canh tác, mà đất canh tác được cấp giấy chứng nhận năm 1999, đất đám mạ giao theo định mức bình quân: 2 lao động = 0 sào 8 thước (mỗi người 04 thước) và ổn định từ năm 1986 đến nay.

Ông xác định định mức đám mạ 08 thước xấp xỉ 191,6m² cấp năm 1986, định mức cấp đất ruộng cho vợ chồng ông là Giáp Văn L và Trần Thị L mỗi người

gần 04 thước xấp xỉ $95,8m^2$ (nằm trong $958m^2$ cấp cho 05 chủ hộ gồm: Ngô Văn L, Đồng Thị T, Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Nguyễn Thị B và nay UBND xã V thêm hộ Đồng Văn Đ, Giáp Văn S) thuộc thửa số 185, tờ bản đồ 144, địa chỉ ở khu B, xứ Đ, thôn K, xã V. Diện tích $191,6m^2$ có tứ cận như sau: phía Đông giáp ruộng nhà ông Lợi, phía Tây giáp ruộng nhà bà Tín, phía Nam và phía Bắc giáp ruộng nhà ai ông không nhớ, vợ chồng ông quản lý, sử dụng từ năm 1986 để gieo mạ hàng năm, ruộng đám mạ này vợ chồng ông không phải đóng thuế cho nhà nước. Diện tích $191,6m^2$ trên không liên quan đến các con ông, đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Ông có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nếu không cung cấp được ông xin chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Thông báo bị kiện số 47 ngày 16/12/2021 của UBND xã V về việc giải quyết các thửa đất còn vướng mắc quy chủ dự án đường 398B. Nội dung: UBND xã V kết luận: Thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích $958m^2$ đang vướng gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Ba, Lập, Tín như câu 4 của Thông báo số 47 là không xâm phạm đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông.

Tòa án công bố Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T về việc hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V thì ông có ý kiến: Ông nhất trí với Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V. Nay đã hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V thì không xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của vợ chồng ông. Khoản tiền đền bù đất và hỗ trợ là: 29.940.000 đồng vợ chồng ông không thắc mắc gì. Đến ngày 02/01/2022 nhận được thông báo số 47 ghi ngày 16/12/2021 của UBND xã V kết luận thửa 185 có $958m^2$ chia cho 07 hộ (mỗi hộ được $136,8m^2 = 5,7$ thước) = 29.940.000 đồng).

Ban giải phóng mặt bằng xã V xem xét và kết luận quy chủ cho 07 hộ Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L trên.

Ông không nhất trí với yêu cầu hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của ông Giáp Văn S. Vì: Ông nhất trí chia tiền đền bù cho 07 hộ trên. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác. Các con ông không liên quan gì đến thửa đất này.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Giáp Thị L, anh Giáp Văn N do ông Giáp Văn L, đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Chị Giáp Thị L, anh Giáp Văn N thống nhất với trình bày của ông Giáp Văn L.

** Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, ngày 13/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L anh Giáp Văn L trình bày:*

Bà Trần Thị L anh Giáp Văn L thống nhất với trình bày của ông Giáp Văn

L.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Văn T trình bày:*

Anh xác định thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² khu B, xứ Đ, thôn K, xã V, huyện T năm 1986 là đất đám mạ gieo theo diện tích đất canh tác, mà đất canh tác được cấp giấy chứng nhận năm 1999, đất đám mạ giao theo định mức bình quân: 2 lao động = 0 sào 8 thước (mỗi người 04 thước) và ổn định từ năm 1986 đến nay.

Anh xác định định mức đám mạ 08 thước xấp xỉ 191,6m² cấp năm 1986, định mức cấp đất ruộng cho bố mẹ anh là ông Vương Văn Thạo (mất năm 1987) và bà Đồng Thị T mỗi người được gần 04 thước xấp xỉ 95,8m² (nằm trong 958m² cấp cho 05 chủ hộ gồm: Ngô Văn L, Đồng Văn Đ, Đồng Thị T, Giáp Văn L, Nguyễn Thị B và nay UBND xã V thêm hộ Giáp Văn Đ, Giáp Văn S) thuộc thửa số 185, tờ bản đồ 144, địa chỉ ở khu B, xứ Đ, thôn K, xã V. Diện tích 191,6m² có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ruộng nhà bà Ba, phía Tây giáp ruộng nhà ông Đức; phía Nam giáp ruộng nhà ông Lợi; phía Bắc giáp ruộng nhà ông Lập, bố mẹ anh quản lý, sử dụng từ năm 1986 để gieo mạ hàng năm, ruộng đám mạ này bố mẹ anh không phải đóng thuế cho nhà nước. Diện tích 191,6m² trên không liên quan đến các con của ông Thạo, bà Tín, đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Anh có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nếu không cung cấp được anh xin chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Thông báo bị kiện số 47 ngày 16/12/2021 của UBND xã V về việc giải quyết các thửa đất còn vướng mắc quy chủ dự án đường 398B. Nội dung: UBND xã V kết luận: Thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² đang vướng gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Ba, Lập, Tín như câu 4 của Thông báo số 47 là xâm phạm đến quyền và lợi ích của bố mẹ anh.

Tòa án công bố Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T về việc hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V thì anh có ý kiến: Anh nhất trí với Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V. Nay đã hủy bỏ mục 4 trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V thì không xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của bố mẹ anh.

- Áp dụng theo Quyết định số 1047, 1048 ngày 27/10/2021 cùng với Quyết định số 106 ngày 18/01/2022 của UBND huyện T thì mẹ anh được nhận khoản tiền đền bù đất và hỗ trợ là: 29.940.000 đồng và không thắc mắc gì.

- Đến ngày 02/01/2022 nhận được thông báo số 47 ghi ngày 16/12/2021 của UBND xã V kết luận thửa 185 có 958m² chia cho 07 hộ (mỗi hộ được 136,8m² = 5,7 thước) = 29.940.000 đồng thì anh không đồng ý.

Ban giải phóng mặt bằng xã V xem xét và kết luận quy chủ cho 07 hộ Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L trên thì 07 hộ đã nhận tiền đền bù với số tiền 29.940.000đồng/hộ.

Anh không nhất trí với yêu cầu hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc

với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của ông Giáp Văn S. Vì: Anh không nhất trí chia tiền đền bù cho 07 hộ trên mà anh chỉ nhất trí chia tiền đền bù cho 05 hộ Ngô Văn L, Đồng Văn Đ, Đồng Thị T, Giáp Văn L, Nguyễn Thị B. Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác. Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị T do anh Vương Văn T, đại diện theo ủy trình bày:*

Bà Đồng Thị T thống nhất với trình bày của anh Vương Văn T.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngô Văn L, bà Đồng Thị L cùng thống nhất trình bày:*

Ông bà là chủ hộ gia đình và đại diện tham gia tố tụng hành chính vụ án này.

Ông bà xác định thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² khu B, xứ Đ, thôn K, xã V, huyện T năm 1986 là đất đám mạ gieo theo diện tích đất canh tác, mà đất canh tác được cấp giấy chứng nhận năm 1999, đất đám mạ giao theo định mức bình quân: 2 lao động = 0 sào 8 thước (mỗi người 04 thước) và ổn định từ năm 1986 đến nay.

Ông bà xác định định mức đám mạ 08 thước xấp xỉ 191,6m² cấp năm 1986, định mức cấp đất ruộng cho vợ chồng ông bà là Ngô Văn L và Đồng Thị L, sinh năm 1958 mỗi người gần 04 thước xấp xỉ 95,8m² (nằm trong 958m² cấp cho 05 chủ hộ gồm: Ngô Văn L, Đồng Thị T, Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Nguyễn Thị B và nay UBND xã V thêm hộ Đồng Văn Đ, Giáp Văn S) thuộc thửa số 185, tờ bản đồ 144, địa chỉ ở khu B, xứ Đ, thôn K, xã V. Diện tích 191,6m² có tứ cận như sau: phía Đông bà giáp ruộng trũng Thùng Khanh (ông bà không bà nhớ ruộng của ai), phía Tây giáp ruộng (ông bà không bà nhớ ruộng của ai), phía Nam giáp ruộng nhà ông bà Đạt, phía Bắc giáp ruộng nhà ông bà Lập, vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng từ năm 1986 để gieo mạ hàng năm, ruộng đám mạ này vợ chồng ông bà không bà phải đóng thuế cho nhà nước. Diện tích 191,6m² trên không bà liên quan đến các con ông bà, đề nghị không bà đưa vào tham gia tố tụng.

Ông bà có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nếu không bà cung cấp được ông bà xin chịu hậu quả pháp lý của việc không bà cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Thông bà báo bị kiện số 47 ngày 16/12/2021 của UBND xã V về việc giải quyết các thửa đất còn vướng mắc quy chủ dự án đường 398B. Nội dung: UBND xã V kết luận: Thửa số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² đang vướng gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Ba, Lập, Tín như câu 4 của Thông bà báo số 47 là không bà xâm phạm đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông bà.

Tòa án công bà bố Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T về việc hủy bỏ mục 4 trong Thông bà báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của UBND xã V thì ông bà có ý kiến: Ông bà nhất trí với Văn bản số 50/UBND-TPHT ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã V. Nay đã hủy bỏ mục 4 trong Thông bà báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V thì không bà xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của vợ chồng ông bà.

Áp dụng theo Quyết định số 1047, 1048 ngày 27/10/2021 cùng với Quyết định số 106 ngày 18/01/2022 của UBND huyện T thì vợ chồng ông bà được nhận khoản tiền đền bù đất và hỗ trợ là: 29.940.000 đồng và không bà thắc mắc gì.

Đến ngày 02/01/2022 nhận được thông bà báo số 47 ghi ngày 16/12/2021 của UBND xã V kết luận thửa 185 có 958m² chia cho 07 hộ (mỗi hộ được 136,8m² = 5,7 thước) = 29.940.000 đồng).

Ban giải phóng mặt bằng xã V xem xét và kết luận quy chủ cho 07 hộ Giáp Văn S, Giáp Văn Đ, Đồng Văn Đ, Ngô Văn L, Nguyễn Thị B, Đồng Thị T, Giáp Văn L trên thì 07 hộ đã nhận tiền đền bù với số tiền 29.940.000 đồng/hộ.

Ông bà không nhất trí với yêu cầu hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông bà báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công bà tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ của ông bà Giáp Văn S. Vì: Ông bà nhất trí chia tiền đền bù cho 07 hộ trên. Ngoài ra ông bà không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai ngày 05/7/2022 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T do ông Nguyễn Thế H, Phó chủ tịch UBND huyện T, đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Trình bày về Quyết định số 1047, 1048 ngày 27/10/2021 và Quyết định số 106 ngày 18/01/2022 của UBND huyện liên quan thu hồi đất thực hiện Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T

- Về căn cứ thu hồi đất để thực hiện dự án
- + Về sử dụng đất trồng lúa

Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T được Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất xác định diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án trên địa bàn huyện T là 32,4 ha, trong đó có 23,9 ha đất lúa.

- + Về chấp thuận chủ trương đầu tư

Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 về việc chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Ngày 24/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đường nối từ QL 37- QL 17-ĐT 292 (đoạn V, T, L), tỉnh Bắc Giang.

- + Về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất

Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T thể hiện trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện T được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 tại Biểu 10/CH Danh mục công trình, dự án thực hiện giai đoạn

2021-2025; thể hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện T được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 05/10/2021.

Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T (đợt 1) trong đó đã thu hồi 41.188,0m², trong đó đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là 30.114,2m²; đất giao thông thủy lợi là 11.073,8m²; hiện nay UBND huyện T chưa ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường đất đối với thửa số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958,0m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T (đợt 1) với tổng phương án bồi thường, hỗ trợ là 6.892.586.000đồng, trong đó các khoản bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình cá nhân trên 1m² đất nông nghiệp như sau: Bồi thường về đất là 50.000đồng/m²; bồi thường hoa màu trên đất là 8.800đ/m²; Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi là 10.000đồng/m²; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 150.000đồng/m²; hỗ trợ trên 70% của 1 định xuất giao ruộng là 3.500.000đồng/1 lao động; hiện nay UBND huyện T chưa ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường đất đối với thửa số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958,0m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 19 bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang quy định các hộ nhận tiền sớm nên được hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ bàn giao mặt bằng) với số tiền là 40.000đồng/m². UBND huyện đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 Về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T, (đợt 1) với số tiền là 1.204.568.000đồng; hiện nay UBND huyện T chưa ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường đất đối với thửa số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958,0m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Trình tự, thẩm quyền của UBND xã V liên quan thu hồi đất Đường nối từ QL.37-QL.17-ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tại xã V, huyện T

Theo quy định tại Khoản 9, Điều 29 Bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang quy định trách nhiệm của UBND xã như sau: *Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; vận động người có đất Nhà nước thu hồi chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Chịu trách nhiệm xác nhận các thông tin về: tình trạng sử dụng đất; mục đích sử dụng đất;*

loại đất; thời điểm sử dụng đất; thời điểm tạo lập tài sản trên đất của người có đất Nhà nước thu hồi và thông tin về đối tượng chính sách; Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng điều tra, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Tổ chức công bố, niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật và Quy định này; Chỉ đạo Công an cấp xã xác nhận các thông tin liên quan đến số lượng nhân khẩu, thời điểm nhân khẩu cư trú tại nơi thu hồi đất và xác nhận các thông tin khác về hộ khẩu, nhân khẩu theo quy định của pháp luật...

Trình tự, thủ tục UBND xã V ban hành Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021: Qua làm việc với UBND xã V cho biết ngày 14/12/2021, Chủ tịch UBND xã V có làm việc với các đồng chí Trưởng thôn, nguyên trưởng thôn các thời kỳ để xác định chủ sử dụng đất, sau khi nghe các thành phần tham gia có ý kiến, Chủ tịch UBND xã V đã kết luận hội nghị tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 để triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn xã. UBND huyện đồng ý việc UBND xã V giữ nguyên Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 và Văn bản số 73/CV -UBND ngày 16/4/2022 về việc hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ nên đối tượng khởi kiện không còn và Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ là văn bản mang tính chất nội bộ của UBND xã V nhằm chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quy chủ thu hồi đất của dự án tuyến đường QL37-QL17 và đường tỉnh 292 thôn K chứ không phải là quyết định hành chính nhằm chấm dứt, thay đổi, phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ của từng hộ dân Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Thông báo số 47.TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V ghi nơi nhận là: Bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận thôn làng K, thường trực Đảng ủy, thường trực UBND xã là mang tính nội bộ của UBND xã V.

Quan điểm của ông Giáp Văn S về yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính của ông Giáp Văn S về hủy bỏ mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V

Chủ tịch UBND xã V đã kết luận hội nghị tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 là văn bản mang tính chất nội bộ, không phải là văn bản thu hồi đất của gia đình ông S tại thửa số 185, tờ bản đồ số 144

Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính thì: *Quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức là những quyết định, hành vi chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác; quản lý, tổ chức cán bộ, kinh phí, tài sản được giao; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, chính sách, pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức.*

Theo các quy định trên thì văn bản thông báo ý kiến của Chủ tịch UBND xã V về việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan, tổ chức, UBND huyện T chưa ban hành quyết định thu hồi, bồi thường đối với thửa đất 185 trên nên Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V này không phải quyết định thu hồi, bồi thường đất nên chưa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông S.

Thực hiện các bước theo quy trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tuyến đường QL37- QL17- ĐT 292 đoạn qua địa bàn xã V, huyện T do Công ty cổ phần Tân Á H, đơn vị thực hiện việc giải phóng mặt bằng cho dự án theo hướng vận động người dân và là sự thỏa thuận dân sự giữa các hộ liên quan thửa đất 185 trên được Công ty cổ phần Tân Á H ứng tiền chứ không phải thủ tục hành chính thu hồi, kiểm kê bồi thường cho các hộ liên quan thửa đất 185 trên. Công ty cổ phần Tân Á H không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án hành chính này nên đề nghị không đưa tham gia tố tụng.

Để làm rõ vướng mắc của ông Giáp Văn S và một số thửa đất chưa thống nhất được việc quy chủ, ngày 14/12/2021 Chủ tịch UBND xã V tổ chức buổi làm việc thành phần gồm: Các đ/c nguyên Trưởng thôn K qua các thời kỳ và tổ rà soát của thôn K. Căn cứ vào kết quả làm việc ngày 16/12/2021 UBND xã đã ban hành Thông báo kết luận số 47/TB-UBND, thông báo kết luận buổi làm việc để làm căn cứ giải quyết và trả lời các hộ dân thôn K có đất được thu hồi còn đang vướng mắc

Thực tế thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B này vẫn đang xem xét đối với các hộ gồm: Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Chính quyền thôn K và Hội phụ nữ thôn K không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này nên đề nghị không đưa tham gia tố tụng.

** Tại Văn bản số: 73/CV –UBND ngày 16/4/2022 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã V do ông Nguyễn Văn C – Phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ thông tin do tổ công tác rà soát, quy chủ thu hồi đất của dự án tuyến đường QL37-QL17 và đường tỉnh 292 thôn K và nguyên các đ/c Trưởng thôn K qua các thời kỳ hiện còn sống và nhiều người dân cao tuổi tại thôn thì xác định nguồn gốc các thửa ruộng tại khu B, đồng C thôn K là diện tích chân đất đám mạ chiêm, gieo cấy cho diện tích dưới đồng và được chia cho các lao động trong độ tuổi của các hộ trong thôn từ năm 1986.

Theo tài liệu hồ sơ thửa đất số 185, diện tích 958,0 m², tờ bản đồ đo năm 2017 có nguồn gốc là thửa đất số: 1226, diện tích 552m², tờ bản đồ số 7, can vẽ năm 1999 (có sơ đồ kèm theo).

Nhìn vào số liệu trên thì thửa đất số 185 có nhiều lần biến động về mặt diện tích là do các hộ sử dụng không liên tục, có những hộ sau khi được chia không sử dụng lần nào do xa nguồn nước ngòi và qua các thế hệ trưởng thôn giai đoạn từ năm 1986-1993 đã có sự điều chuyển việc sử dụng từ hộ này sang hộ khác và mặt khác do các hộ không sử dụng đến tháng 10/2000, thôn K đã giao khoán cho Hội

Phụ nữ thôn gây quỹ (có hợp đồng kèm theo). Do đó mà hình thửa các thửa ruộng có sự thay đổi do các hộ nhận khoán phá liên để tiện sản xuất, nên gặp khó khăn trong công tác xác định và quy chủ.

Diễn biến quá trình thu hồi đền bù, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B.

Thực hiện các bước theo quy trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tuyến đường QL37- QL17- ĐT 292 đoạn qua địa bàn xã V, huyện T do Công ty cổ phần Tân Á H, đơn vị thực hiện việc giải phóng mặt bằng cho dự án. UBND xã đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn cùng các thôn trong dự án phối hợp với Công ty để thực hiện việc rà soát, quy chủ. Đối với thôn K đa số diện tích đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới thu hồi xác định đều là đất đảm mại được thôn chia cho các hộ sử dụng từ năm 1986 và không còn được lưu giữ trong sổ sách tại thôn và không được cấp giấy CNQSDĐ. Để đảm bảo việc quy chủ được chính xác, minh bạch, Chủ tịch UBND xã V đã chỉ đạo thôn K thành lập tổ rà soát thành phần gồm: Đ/c Bí thư, trưởng, phó thôn, trưởng Ban MTTL, trưởng các ngành đoàn thể ở thôn và các đ/c Nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ cùng tham gia. Sau khi công khai bản đồ và danh sách quy chủ các thửa đất tại Nhà văn hóa thôn, tiếp nhận ý kiến của người dân, lập danh sách chốt và tổ chức nhiều lần làm việc tại Nhà văn hóa thôn theo từng thửa đất và có 2 lần xuống thực địa và căn cứ vào bản đồ can vè năm 1999 và bản đồ đo năm 2017, tổ rà soát quy chủ của thôn xác định thửa đất số 185 có 7 hộ gồm: Ông S, Li, ông Đ, ông Đ, bà Ba, ông L và bà T và thống nhất đề xuất phương án chia đều diện tích cho các hộ theo lao động. Để làm rõ vướng mắc của ông Giáp Văn S và một số thửa đất chưa thống nhất được việc quy chủ, ngày 14/12/2021 Chủ tịch UBND xã V tổ chức buổi làm việc thành phần gồm: Các đ/c nguyên Trưởng thôn K qua các thời kỳ và tổ rà soát của thôn K. Căn cứ vào kết quả làm việc ngày 16/12/2021 UBND xã đã ban hành Thông báo kết luận số 47/TB-UBND, thông báo kết luận buổi làm việc để làm căn cứ giải quyết và trả lời các hộ dân thôn K có đất được thu hồi còn đang vướng mắc (có thông báo kết luận kèm theo).

** Tại Biên bản làm việc ngày 05/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Tân Á H- Do ông Ngô Đăng H, Giám đốc, đại diện trình bày:*

Thực hiện các bước theo quy trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tuyến đường Quốc lộ 37, Quốc lộ 17, đường tỉnh 292 đoạn qua địa bàn xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang do Công ty cổ phần Tân Á H, đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án theo hướng vận động người dân và là sự thỏa thuận dân sự giữa các hộ liên quan thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B được Công ty cổ phần Tân Á H ứng tiền, chứ không phải thủ tục hành chính thu hồi, kiểm kê, bồi thường cho các hộ liên quan thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, thôn K, xã V. Công ty cổ phần Tân Á H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án hành chính này nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng. UBND xã V đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn cùng các thôn trong dự án phối hợp với Công ty để thực hiện rà soát, quy chủ

Hiện nay UBND huyện chưa ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, thôn K, xã V, huyện T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giáp Sơn T, chị Giáp Thị Huyền T, ông Đồng Văn Đ, bà Giáp Thị H, anh Đồng Phan A, chị Đồng Hải Y, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị H, chị Giáp Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Giáp Sơn T, chị Giáp Thị Huyền T, ông Đồng Văn Đ, bà Giáp Thị H, anh Đồng Phan A, chị Đồng Hải Y, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị H, chị Giáp Thị T nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giáp Sơn T, chị Giáp Thị Huyền T, ông Đồng Văn Đ, bà Giáp Thị H, anh Đồng Phan A, chị Đồng Hải Y, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị H, chị Giáp Thị T không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Giáp Sơn T, chị Giáp Thị Huyền T, ông Đồng Văn Đ, bà Giáp Thị H, anh Đồng Phan A, chị Đồng Hải Y, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị H, chị Giáp Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Toà án đã tiến hành cho các đương sự hoà giải nhiều lần nhưng không được và các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Đương sự đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và đương sự không đối thoại được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 345, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn S về việc yêu cầu hủy nội dung kết luận tại mục 4 của Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V, huyện T.

- Về án phí: Ông Giáp Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Ngọc B, ông Giáp Văn Đ, bà Chu Thị Đ, anh Giáp Sơn T, chị Giáp Thị Huyền T, ông Đồng Văn Đ, bà Giáp Thị H, anh Đồng Phan A, chị Đồng Hải Y, bà Nguyễn Thị B, chị Giáp Thị L, Ông Ngô Văn L, bà Đồng Thị L, anh Ngô Văn Đ, chị Ngô Thị H, ông Giáp Văn L, bà Trần Thị L, anh Giáp Văn L, chị Giáp Thị L, anh Giáp Văn N, bà Đồng Thị T, anh Vương Văn T, anh Giáp Văn L, chị Giáp Thị T nhưng vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Q, anh Giáp Văn L vắng mặt nhưng do ông Giáp Văn S đại diện. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 2 khoản 03 Điều 158 Luật tố tụng hành chính là đúng quy định.

Về tư cách người bị kiện: Do Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ (*sau đây gọi tắt là Thông báo số 47*) về hình thức và nội dung đều là của Chủ tịch UBND xã V nên xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND xã V theo khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính là đúng.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của chủ tịch UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 01 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 16/12/2021 Chủ tịch UBND xã V ban hành Thông báo số 47. Đến ngày 14/01/2022 ông Giáp Văn S nhận, biết Thông báo 47 này. Đến ngày 22/2/2022 ông Giáp Văn S làm đơn khởi kiện (Tòa án tiếp nhận đơn khởi kiện ngày 22/2/2022) vụ hành hành chính là trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. TAND huyện T thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại khoản 01 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[4] xét tính hợp pháp của quyết định hành chính:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện và có liên quan:

Thực hiện trách nhiệm của UBND xã V theo điểm b khoản 2 Điều 62, điểm b khoản 01 Điều 69 Luật đất đai. Để giải quyết các thửa đất còn vướng mắc tại khu Đồng Cót, thôn K, xã V trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường kết nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 17, Đường tỉnh lộ 292 (Quốc lộ 398B) đoạn qua thôn K. Ngày 16/12/2021 Chủ tịch UBND xã V ban hành Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ để thông báo, chỉ đạo kết luận của chủ tịch UBND xã V đối với các thửa đất còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án 398B đoạn qua thôn K

Ngày 08/3/2022 chủ tịch UBND xã V ban hành Văn bản số 50/UBND – TPHT và Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 về việc hủy bỏ nội dung tại mục 4 (*Tức câu 4*) tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của chủ tịch UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ là quyền của người bị kiện và phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là người đứng đầu Ủy ban nhân dân xã và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân xã”.

Tại khoản 2 Điều 31 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ quyền hạn của UBND xã: “2. Quyết định những vấn đề của xã trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Từ những quy định của pháp luật nêu trên thấy việc chủ tịch Nguyễn Ngọc B thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ký Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của chủ tịch UBND xã V, Văn bản số 50/UBND – TPHT và Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khiếu kiện của ông Giáp Văn S về hủy nội dung thông báo kết luận tại mục 4: Thửa đất số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958 m² đang vướng mắc gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Côn, Lập, Tín. Thống nhất chia đều cho 07 hộ của Thông báo số 47/TB – UBND ngày 16/12/2021 của chủ tịch UBND xã V:

Căn cứ lời khai của đại diện UBND xã V phù hợp lời khai người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên có căn cứ xác định: Nguồn gốc diện tích 958,0 m² thửa đất số 185, tờ bản đồ đo năm 2017 có nguồn gốc là thửa đất số:1226, diện tích 552m², tờ bản đồ số 7, can vẽ năm 1999 có nguồn gốc các thửa ruộng tại khu B, đồng C thôn K là diện tích chân đất đám mạ chiêm, gieo cấy cho diện tích dưới đồng và được chia cho các lao động trong độ tuổi của các hộ trong thôn từ năm 1986. Thửa đất số 185 có nhiều lần biến động về mặt diện tích là do các hộ sử dụng không liên tục, có những hộ sau khi được chia không sử dụng lần nào do xa nguồn nước ngòi và qua các thế hệ trưởng thôn giai đoạn từ năm 1986-1993 đã có sự điều chuyển việc sử dụng từ hộ này sang hộ khác và mặt khác do các hộ không sử dụng đến tháng10/2000 thôn K đã giao khoán cho Hội Phụ nữ thôn gây quỹ nhưng thôn K và Hội Phụ nữ thôn K lại không quản lý, sử dụng canh tác. Thực tế thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B này vẫn là của các hộ quản lý, sử dụng gồm: Giáp Văn Đ, Ngô Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T.

Tuy mục 4 không nêu cụ thể họ tên đệm của từng hộ, nhưng căn cứ lời khai của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì có căn cứ xác định mục 4 nêu: Thửa đất số 185, tờ bản đồ 144, diện tích 958m² đang vướng mắc gồm các hộ: Đạt, Lợi, Sơn (Kính), Đức, Côn, Lập, Tín. Thống nhất chia đều cho 07 hộ là đã điều chỉnh quyền và lợi ích của 07 hộ gồm Giáp Văn Đ, Ngô

Văn L, Giáp Văn S, Đồng Văn Đ, Giáp Văn C (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị B), Giáp Văn L, Đồng Thị T. Tuy nhiên UBND huyện T xác định thửa đất 185 này chưa được UBND huyện T ra quyết định để kiểm đếm đền bù, thu hồi, bồi thường đất theo thủ tục hành chính để phục vụ dự án giao thông đường nối từ Quốc lộ 37-Quốc lộ 17-đường tỉnh 292. Công ty cổ phần Tân Á H thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án theo hướng vận động trước người dân và là sự thỏa thuận dân sự giữa các hộ liên quan thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² được Công ty cổ phần Tân Á H ứng tiền, chứ không phải thủ tục hành chính thu hồi, kiểm kê, bồi thường cho các hộ liên quan thửa đất số 185. Mục 4 này là việc chủ tịch UBND xã V chỉ đạo giải quyết vướng mắc theo pháp luật về đất đai, sau chỉ đạo của chủ tịch UBND xã V sẽ phải thực hiện quy chủ chia đều cho 07 hộ này phải theo trình tự, thủ tục hành chính và pháp luật về đất đai nên việc chỉ đạo này làm phát sinh, thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của 07 hộ, trong đó có hộ ông Giáp Văn S theo thủ tục hành chính về quy chủ, đền bù đất đai. Hộ ông Giáp Văn S cũng không có giấy CNQSDĐ, ngoài lời khai, ông S không đưa ra được căn cứ để xác định việc quản lý, sử dụng đất chỉ có 05 hộ và việc chia đều cho 07 hộ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông S như ông S nêu nên không có căn cứ hủy bỏ về nội dung mục 4 như ông Giáp Văn S yêu cầu.

Khi xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện, HĐXX đồng thời xem xét cả tính hợp pháp của Văn bản số 50/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 và Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 của chủ tịch UBND xã V về việc hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 của chủ tịch UBND xã V Kết luận của tại buổi làm việc với Tổ công tác giải phóng mặt bằng thôn K và các đ/c nguyên trưởng thôn K qua các thời kỳ. HĐXX thấy việc hủy bỏ này là quyền của người bị kiện theo khoản 4 Điều 57 Luật tổ tụng hành chính, cũng không làm phát sinh thêm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Nên việc chủ tịch UBND xã V ban hành Văn bản số 50/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 và Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 này là hợp pháp, đúng thẩm quyền. Việc chủ tịch UBND xã V ban hành Văn bản số 50/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 và Văn bản số 65/UBND – TPHT ngày 08/3/2022 là chấm dứt hiệu lực của mục 4. Việc chấm dứt hiệu lực này không còn xâm phạm gì đến quyền, lợi ích của hộ ông S như ông S thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2022. Do Văn bản số 50/UBND–TPHT ngày 08/3/2022 và Văn bản số 65/UBND–TPHT ngày 08/3/2022 của chủ tịch UBND xã V hủy bỏ nội dung tại mục 4 tại Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 nên đối tượng khởi kiện không còn. Nay ông Giáp Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khiếu kiện thì cần bác yêu cầu của ông Giáp Văn S như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp mục 3 phần III Giải đáp số 64/TANDTC –PC ngày 03/4/2019 của TANDTC.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Giáp Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả ông Giáp Văn S số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 62, điểm b khoản 01 Điều 69, Điều 204 Luật đất đai; khoản 2 khoản 9 Điều 3, khoản 01 Điều 30, khoản 01 Điều 31, khoản 4 Điều 57, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 2 khoản 03 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Điều 345, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 31, Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn S về: Hủy bỏ nội dung kết luận ở câu 4, thửa đất số 185, tờ bản đồ số 144, diện tích 958m² (thuộc khu B, đồng C, Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh B) ghi trong Thông báo số 47/TB-UBND ngày 16/12/2021 (của chủ tịch UBND xã V).

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Giáp Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại ông Giáp Văn S số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0011534, ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương